TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT
Ngày: 08 - 4 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải;

Bà Ngô Ngọc Phỉ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Phan Ý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLPT-DS ngày 09/02/2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 60/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1976;Nơi cư trú: Tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang, (có mặt).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1979; theo giấy ủy quyền ngày 20 tháng 5 năm 2021, (vắng mặt).Nơi cư trú: Ấp VN, xã VT, huyện AP, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Trần Hoàng L (Đức), sinh năm 1961, (có mặt).

2.2. Ông Trần Thanh P (Dũng), sinh năm 1965, (có mặt).

Cùng cư trú: Tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1963, (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Trần Thị Mỹ T2, sinh năm 1983, (vắng mặt);

Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3.3. Ông Trần Hoàng T4, sinh năm 1985, (vắng mặt);

3.4. Anh Trần Anh T5, sinh năm 1998, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị Mỹ T2; ông Trần Hoàng T4 và anh Trần Anh T5, có ông Trần Hoàng L đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 15/03/2022), (có mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1972, (có mặt);

3.6. Chị Trần Thị Chi T7, sinh năm 1990, (vắng mặt);

3.7. Cháu Trần Thị Yến T8, sinh năm 2008, (vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của Trần Thị Yến T8 là ông Trần Thanh P (là cha), (có mặt).

3.8. Bà Huỳnh Thị H4, sinh năm 1936, (vắng mặt).

3.9. Cháu Nguyễn Trần Bảo Đ2, sinh năm 2006, (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Trần Bảo Đ2 là Trần Thị Mỹ T2 (là mẹ), (vắng mặt).

3.10. Cháu Trần Thị Thúy V, sinh năm 2009, (vắng mặt).

3.11. Cháu Trần Bảo T9, sinh năm 2017, (vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của Trần Thị Thúy V, Trần Bảo T9 là Trần Hoàng T4 (là cha), (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Trần Thanh T, lần lượt bị đơn là ông Trần Hoàng L (Đức) và ông Trần Thanh P (Dũng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Cha mẹ của ông là ông Trần Văn M và bà Trần Thị A lúc sinh thời có tạo được một số đất. Năm 1993, cha mẹ ông đã cho 02 anh của ông là L và ông P mỗi người 2.000m^2 đất nông nghiệp. Thời điểm này ông đi làm ăn xa nên chưa được cha mẹ cho đất. Đến năm 2007 cha mẹ mới cho ông diện tích đất 1.368m^2 (trong đó: 800m^2 đất ở; 568m^2 đất trồng cây lâu năm) và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00600bF thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 03,

do UBND huyện CP cấp ngày 22/9/2007 cho ông Trần Thanh T đứng tên, đất tọa lạc tại tổ 05, ấp BT, xã BT 2, huyện CP, tỉnh An Giang. Trước đây phần đất này do ông Trần Văn M, sinh năm 1930 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi cha mẹ của ông còn sống có cho L, ông P cất nhà ở nhờ trên phần đất này và L, ông P hứa khi nào có điều kiện sẽ di dời nhà, trả lại đất. Ông đã nhiều lần yêu cầu L, ông P di dời nhà nhưng L, ông P không đồng ý. L và ông P ra điều kiện buộc ông phải hỗ trợ chi phí dời nhà, nhưng yêu cầu chi phí quá cao nên ông không đồng ý.

Nay ông T yêu cầu ông P cùng vợ và các con của ông P phải di dời nhà, các vật kiến trúc khác trên đất trả lại cho ông diện tích đất ngang 05m x dài 10m; yêu cầu L cùng với vợ và các con của L phải di dời nhà, các vật kiến khác trên đất trả lại ông diện tích đất ngang 05m x dài 13m và một mái trại tạm nằm phía mí lộ do L quản lý, sử dụng.

Do có bản vẽ ngày 06/5/2020 nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo bản vẽ:

- Buộc gia đình L phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình kiến trúc trên diện tích đất 92,8m^2 để trả lại đất cho ông. Ông không đồng ý, hỗ trợ di dời vì L đã được chia đất nông nghiệp khoảng 2.000m^2, nhiều hơn phần đất của ông và ông cũng không có điều kiện kinh tế để hỗ trợ. L hiện nay không có căn nhà khác ngoài căn nhà đó.

- Buộc gia đình ông P phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình kiến trúc trên diện tích đất 58m^2 để trả lại đất cho ông. Ông không đồng ý, hỗ trợ di dời vì ông P đã được chia đất nông nghiệp khoảng 2.000m^2, nhiều hơn phần đất của ông và ông cũng không có điều kiện kinh tế để hỗ trợ. Ông P hiện nay vẫn còn một căn nhà làm quán cà phê đối diện với căn nhà chính của ông P.

- Ngoài ra, còn yêu cầu L tháo dỡ di dời mái nhà (nhà tạm) phía trước mặt tiền nhà L, đang dùng làm nơi sửa xe nhưng đang đóng cửa không hoạt động, để trả lại diện tích 18,1m^2 theo bản vẽ cho ông.

Ông T trình bày bổ sung: Trước đây L và ông P có hứa khi nào có điều kiện sẽ di dời. Đối với căn nhà của L trước đây là nhà cây (gỗ), sau đó mới dời đến như vị trí hiện nay. Nhà ông P cũng vậy trước đây là nhà cây (gỗ), sau này mới xây cất lại.

Bị đơn ông Trần Hoàng L trình bày tại bản tự khai, các lần hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Thống nhất với lời trình bày của ông T về việc cha mẹ ông có chia cho ông và ông P mỗi người 2.000m^2, ông đã sử dụng ổn định. Đối với phần đất nền nhà vào năm 1982 có hỏi cha mẹ cho cất ở, từ đó đến nay có sửa chữa 02 lần (mỗi lần sửa cha mẹ đều biết, ông T cũng biết). Cho cất để ở không thời hạn, nhưng không có giấy tờ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha mẹ đứng tên, đến khi cha mẹ trên 60 tuổi mới sang tên cho ông T. Khi ký tên cho ông T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không có hứa là sẽ trả đất, vì đất cha mẹ cho bao nhiêu thì ở bấy nhiêu, ông không lấn thêm. Đất cha mẹ cho ông

cất nhà ở, nếu ông T kiếm được nền nào khác cho ông và di dời, xây cất lại y chang căn nhà của ông hiện tại thì ông sẽ đi, ông không có phần đất nào khác để di dời nhà, vì căn nhà này ông đã ở trên 37 năm.

Còn đối với mái trại của con ông dùng để sửa xe cũng không đồng ý tháo dỡ, vì hiện nay con của ông không sửa xe nữa nhưng ông là người sửa và sử dụng mái trại này nên không đồng ý tháo dỡ di dời nhà, mái trại trả đất theo yêu cầu của ông T. Ông cho rằng ông có ký giấy cho ông T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không có hứa khi nào có điều kiện sẽ di dời như lời trình bày của ông T.

Bị đơn ông Trần Thanh P trình bày tại bản tự khai: Không đồng ý yêu cầu của ông T, vì ông xây cất nhà trên phần đất của cha mẹ cho, ông không lấy đất của ông T. Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 11 năm 2019 ông P trình bày nguồn gốc đất là của cha mẹ, cha mẹ đồng ý cho ông và gia đình ông cất nhà để ở hơn 20 năm. Năm 2007, cha mẹ làm thủ tục sang tên cho ông T, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không ý kiến vì cho rằng là anh em nên ai đứng tên cũng được. Nay ông T yêu cầu ông và vợ con ông phải di dời nhà, trả lại đất thì ông đồng ý. Tuy nhiên ông T phải hỗ trợ cho ông 01 nền nhà tương đương với nền nhà của ông đang ở có diện tích ngang 06m x dài 10m và di dời nhà cuốn nền tương tự với nhà hiện tại của ông. Nếu ông T không đồng ý thì ông và gia đình ông không đồng ý yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T đối với ông Trần Hoàng L, ông Trần Thanh P.

1.1. Buộc ông Trần Hoàng L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Thanh T số tiền 92.800.000 đồng.

1.2. Buộc ông Trần Thanh P phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh T số tiền 58.000.000 đồng.

1.3. Buộc gia đình ông Trần Hoàng L phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời mái trại có diện tích 18,1m^2 (có kết cấu: nền lát gạch thẻ, vách tole, mái tole, khung gỗ tạp), tại các điểm 5, 6, 7, 8, theo Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện CP để trả lại cho ông Trần Thanh T diện tích đất 18,1m^2.

2. Theo Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện CP thể hiện phần đất của ông T có căn nhà của ông T nằm phía sau nhà ông P; phần đất mái trại trả lại cho ông T nằm phía trước nhà của L. Trên phần đất của ông T đứng tên vẫn còn phần đất trống làm lối đi chung cho gia đình L, ông T và những người khác đi. Để đảm bảo quyền về lối đi chung theo quy định pháp luật thì các đương sự phải ổn định lối đi chung như hiện nay, không được dùng các biện pháp ngăn chặn lối đi chung để cản trở lối đi chung, gây bất lợi về lối đi chung cho người khác.

3. Sau khi ông Trần Hoàng L và ông Trần Thanh P đã trả tiền đủ cho ông Trần Thanh T thì ông Trần Thanh T, ông Trần Hoàng L, ông Trần Thanh P có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tách thửa theo đúng diện tích đất nhà của L, ông P đang sử dụng và điều chỉnh phần còn lại của ông T đang sử dụng sau khi đã tách thửa cho L, ông P. (Đính kèm Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện CP).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 26/10/2021, 27/10/2021 và ngày 29/10/2021, nguyên đơn ông Trần Thanh T, bị đơn ông Trần Hoàng L và ông Trần Thanh P đã nộp đơn kháng cáo cụ thể:

- Ông Trần Thanh T yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông Trần Hoàng L phải di dời các công trình trả lại diện tích 92,8m^2 đất và buộc ông Trần Thanh P phải di dời các công trình trả lại diện tích 58m^2 đất, ông Trần Thanh T không đồng ý nhận giá trị.

- Ông Trần Hoàng L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Thanh P kháng cáo bản án sơ thẩm số: 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Ông Trần Hoàng L, ông Trần Thanh P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông T, bị đơn L, ông P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm đến ngày 26/10/2021, 27/10/2021 và ngày 29/10/2021, nguyên đơn ông Trần Thanh T, bị đơn ông Trần Hoàng L và ông Trần Thanh P nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, được chấp nhận thụ lý vụ án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Nguồn gốc đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của cụ Trần Văn M. Vào năm 1982, cụ M cho L ra ở riêng và cất nhà trên phần đất này, trong quá trình sử dụng căn nhà thì L có sửa chữa, tôn tạo căn nhà nhiều lần; tiếp tục đến khoảng năm 1997 thì cụ M cho ông P ra ở riêng và cất nhà trên phần đất này, trong quá trình sử dụng căn nhà thì ông P có sửa chữa, tôn tạo căn nhà nhiều lần. Đến ngày 21/02/2001, cụ Trần Văn M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1368m^2, tại thời điểm cụ M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì trên đất đã có căn nhà của L và căn nhà của ông P, sau đó đến ngày 30/8/2007 cụ M làm thủ tục tặng cho ông T toàn bộ diện tích 1368m^2, tại thời điểm cụ M tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T đã tồn tại các căn nhà của L và ông P trên đất.

[2.2]. Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 (Bút lục số 17, 18); thông báo về việc thụ lý vụ án số 464/TB-TLVA, ngày 04/9/2019 (Bút lục số 23) và biên bản hòa giải ngày 27/11/2019 (Bút lục số 31 - 33) của Tòa án nhân dân huyện CP, thì ông Trần Thanh T đều thống nhất có nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh P cùng với vợ và các con của ông P phải trả lại cho ông diện tích đất, chiều ngang 5m; chiều dài 10m, tổng diện tích 50m^2 và buộc ông Trần Hoàng L cùng với vợ và các con của L phải trả lại cho ông diện tích đất, chiều ngang 5m; chiều dài 13m, tổng diện tích 65m^2. Sau khi có kết quả đo đạc được thể hiện tại Bản trích đo địa chính ngày 06/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP thì được thể hiện tại các điểm 9, 10, 11, 12 là nhà của ông P với diện tích 58m^2; tại các điểm 17, 18, 19, 20 là nhà của L với diện tích 91,8m^2 và tại các điểm 5, 6, 7, 8 là nhà tạm của L với diện tích 18,1m^2. Theo kết quả đo đạc thì căn nhà của ông P và căn nhà của L hiện đang sử dụng có diện tích lớn hơn so với diện tích đất mà ông T khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, đồng thời có phát sinh thêm căn nhà tạm của L với diện tích 18,1m^2.

[2.3]. Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không có đơn khởi kiện bổ sung của ông T đối với diện tích đất các căn nhà của ông P và L đang sử dụng sau khi có kết quả đo đạt thì diện tích tăng so với yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông T mà Tòa án đã thụ lý, đồng thời có phát sinh thêm căn nhà tạm của L với diện tích 18,1m^2 và cũng không có thông báo thụ lý vụ án bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T.

Căn cứ Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP.

- Buộc ông Trần Hoàng L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Thanh T số tiền 92.800.000 đồng (tương đương diện tích 92,8m^2).

- Buộc ông Trần Thanh P phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Thanh T số tiền 58.000.000 đồng (tương đương diện tích 58m^2).

- Buộc gia đình ông Trần Hoàng L phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời mái trại có diện tích 18,1m^2 (có kết cấu: nền lát gạch thẻ, vách tole, mái tole, khung gỗ tạp).

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T là vượt quá yêu cầu khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vị đơn khởi kiện.

[2.4]. Theo Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP thì không có thể hiện lối đi chung tại vị trí và các điểm nối của bản trích đo, nhưng cấp sơ thẩm tuyên dành lối đi chung cho gia đình L, ông T và những người khác đi là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự, sẽ gây khó trong quá trình sử dụng, có thể phát sinh tranh chấp và khó thi hành.

[2.5]. Theo Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP thì thể hiện tại các điểm 13, 14, 15, 16 là nhà của ông T với diện tích 92,8m^2; còn tại các điểm 17, 18, 19, 20 là nhà của L với diện tích 91,8m^2. Tuy nhiên, tại phần ghi chú của Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP thì lại ghi điểm 13, 14, 15, 16 là điểm nhà của L với diện tích 92,8m^2; còn điểm 17, 18, 19, 20 là điểm nhà của ông T với diện tích 91,8m^2, việc ghi chú là không đúng với thực trạng đang sử dụng đất của các đương sự và Bản trích đo địa chính ngày 06 tháng 05 năm 2020. Việc ghi chú sai so với kết quả đo đạc nhưng cấp sơ thẩm không nhận ra mà lại tuyên án theo phần ghi chú buộc ông Trần Hoàng L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Thanh T số tiền 92.800.000 đồng (tương đương diện tích 92,8m^2).

[3]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CP giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 212/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CP giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (nếu có) do các đương sự nộp sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân huyện CP giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Thanh T; ông Trần Hoàng L và ông Trần Thanh P, mỗi người 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số: 0003329; 0003331; 0003337 ngày 26/10/2021, ngày 27/10/2021 và ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thám